TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - TP HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2022/QĐST-DS	*Hoài Đức, ngày 05 tháng 04 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm đ điều 1.3 Phần 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 136/2021/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H** – sinh năm: 1978; Trú tại: Khu Bích Nhôi 1, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, Hải Dương.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1968 và ông **Phạm Văn K**, sinh năm: 1960; Cùng trú tại: Số 07-NV8 KĐT mới Bắc Quốc lộ 32, Thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Thanh H** – Sinh năm: 1967; Trú tại: Khu Bích Nhôi 1, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, Hải Dương; Đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị H** – sinh năm: 1978; Trú tại: Khu Bích Nhôi 1, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, Hải Dương (Giấy ủy quyền ngày 08/12/2021).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Theo Giấy gia hạn ngày 01/4/2019 do bà Nguyễn Thị Th, ông Phạm Văn K đã viết cho bà Phạm Thị H, nội dung gia hạn thời hạn trả nợ của các khoản vay theo các Giấy biên nhận ngày 03/9/2018; ngày 06/9/2018; ngày 10/11/2018; ngày 07/11/2018; ngày 01/01/2019 và các Giấy gia hạn ngày 22/11/2018, ngày 05/12/2018, ngày 17/12/2018, bà Th, ông K xác nhận còn nợ và có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị H và ông Trần Thanh H số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/10/2021 cụ thể như sau:

+ Số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng của Giấy biên nhận ngày 03/9/2018, số tiền nợ lãi là 292.383.000 đồng.

+ Số tiền nợ gốc 770.000.000 đồng của Giấy biên nhận ngày 06/9/2018, số tiền nợ lãi là 221.286.450 đồng.

+ Số tiền vay 1.000.000.000 đồng của Giấy biên nhận ngày 07/11/2018; Giấy gia hạn ngày 22/11/2018; ngày 05/12/2018; ngày 17/12/2018, nợ gốc còn lại là 800.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 289.884.000 đồng.

+ Số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng của Giấy biên nhận ngày 10/11/2018, số tiền nợ lãi là 164.934.000 đồng.

+ Số tiền 480.000.000 đồng của Giấy biên nhận ngày 01/01/2019, số tiền nợ lãi là 125.949.000 đồng.

[2.2] Tổng cộng số tiền nợ gốc bà Th, ông K phải thanh toán cho bà H, ông H là 3.350.000.000 (*Ba tỷ ba trăm năm mươi triệu*) đồng.

[2.3] Về nợ lãi:

Bà H, ông H tự nguyện miễn cho bà Th, ông K số tiền nợ lãi 292.383.000 đồng của khoản vay ngày 03/9/2018 và số tiền nợ lãi 221.286.450 đồng của khoản vay ngày 06/9/2018, tổng cộng số tiền lãi được miễn là 513.669.450 (*Năm trăm mười ba triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi*) đồng.

+ Bà H yêu cầu bà Th, ông K trả cho bà H, ông H tổng số tiền nợ lãi của các khoản vay còn lại tạm tính đến ngày 30/10/2021 là 580.767.000 (*Năm trăm tám mươi triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng.

+ Bà H, ông H tự nguyện không yêu cầu bà Th, ông K phải trả lãi của các khoản vay trên kể từ ngày 31/10/2021 cho đến khi có đơn thi hành án.

[2.4] Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi bà Th, ông K phải thanh toán cho bà H, ông H là 3.930.767.000 (*Ba tỷ chín trăm ba mươi triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, các bên không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.653.835 *(Hai mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi lăm)* đồng.

Ông Phạm Văn K được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.000.000 (*Hai mươi ba triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0015374 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Hoài Đức;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ; Văn phòng.*

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lan Anh